TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM NHÙN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2025.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Đức Hiệp**;
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đặng Văn Phú**;
2. Bà **Lò Thị Doanh**;
- Thư ký phiên tòa: Bà **Thào Thị Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa: Ông **Lò Văn Nhiệm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 03 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08/4/2025 giữa các đương sự sau:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị L**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản Mường Mô, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản Mường Mô, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. *(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu**. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu Người đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hoàng Đức Thiện**, sinh năm 1988. Chức vụ: Giám đốc - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật ủy quyền lại: Anh **Nguyễn Văn Đệ**, sinh năm 1980. Chức vụ: Phó Giám đốc - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. *(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 07/03/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2019 tại UBND xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chị sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau. Những lần mâu thuẫn anh T thường có những lời lẽ chửi bới xúc phạm và kèm theo những hành vi đe dọa, đánh đập đối với chị khiến chị bị tổn thương về tinh thần và cả thể xác. Mặc dù gia đình hai bên cũng đã nhiều lần can thiệp và hòa giải nhưng tình cảm không thể hàn gắn. Nhận thấy bản thân không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn T có 02 con chung. Con thứ nhất tên Phan Thùy D, sinh ngày 23/01/2012 và con thứ hai tên là Phan Thế D, sinh ngày 23/8/2017. Nguyện vọng của chị L là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Phan Văn T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lò Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T có 04 khoản nợ chung vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu với tổng số tiền là 178.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ 01 khoản vay số tiền 50.000.000 đồng, với mục đích chăn nuôi bò sinh sản theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 1500014287, ngày 25/01/2021;

+ 01 khoản vay số tiền 20.000.000 đồng, với mục đích xây bể nước theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 1500014287, ngày 14/05/2021;

+ 01 khoản vay số tiền 8.000.000 đồng, với mục đích mua bò sinh sản theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 1500014287, ngày 14/05/2021.

+ 01 khoản vay số tiền 100.000.000 đồng, với mục đích chăn nuôi trâu theo Hợp đồng tín dụng số 7136913022/2024/HĐ-TD, ngày 09/10/2024.

Đến nay chị và anh T đã trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng, còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc là 153.000.000 đồng và chưa bao gồm tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng. Tại Biên bản hòa giải ngày 01/4/2024, chị và anh T đã thống nhất thoả thuận được về phần nợ chung và đề nghị Tòa án công nhận về nghĩa vụ trả nợ của mỗi người, cụ thể như sau:

+ Anh Phan Văn T sẽ có trách nhiệm đối với 02 khoản vay, trong đó: 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 17/2021/HĐ-TD, ngày 22/01/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 33.000.000 đồng và 01 khoản vay theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 17.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên anh T có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn tổng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và chưa bao gồm tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi anh Tiếp thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên cho vay.

+ Chị Lò Thị L sẽ có trách nhiệm đối với 02 khoản vay, trong đó: 01 khoản vay theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 3.000.000 đồng và 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 7136913022/2024/HĐ-TD, ngày 09/10/2024 với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên chị L có trách nhiệm phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn tổng số tiền nợ gốc là 103.000.000 đồng và chưa bao gồm tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi chị L thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên cho vay.

***** Theo các lời khai có trong hồ sơ và tại Biên bản hòa giải ngày 01/4/2025, bị đơn anh Phan Văn T trình bày:

Anh và chị Lò Thị L về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2019 tại UBND xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa anh và chị L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L hay giận dỗi, cáu gắt đối với anh. Những lần mâu thuẫn gia đình, anh muốn đóng cửa bảo nhau nhưng chị L thường hay to tiếng nên anh T mới bực mình bỏ đi uống rượu rồi về nhà mới có những hành động đối với chị L như chị L đã khai trong đơn như vậy. Việc chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh T không nhất trí vì anh T vẫn còn tình cảm với chị L, mong muốn Tòa án xem xét, hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau chung sống, nuôi dạy con cái trưởng thành. Trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh T xác nhận vợ chồng có 04 khoản nợ chung vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn với tổng số tiền 178.000.000 đồng. Đến nay anh và chị L đã trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 153.000.000 đồng và chưa bao gồm tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng. Trường hợp phải ly hôn anh T đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn 02 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 17/2021/HĐ-TD, ngày 22/01/2021 và theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với tổng số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như đã thỏa thuận tại Biên bản hòa giải ngày 01/4/2025.

Do bận công việc ở xa nên anh T không thể tham gia phiên tòa xét xử vì vậy anh T đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***** Tại Bản tự khai ngày 17/3/2025 và tại Biên bản hòa giải ngày 01/4/2025 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *"Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu"* trình bày:

Về nợ chung: Vợ chồng anh T và chị L có thực hiện vay vốn tại phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu cụ thể như sau:

+ Ngày 22/01/2021, vay với số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 116 tháng, mục đích sử dụng để mua bò sinh sản theo Hợp đồng tín dụng số 17/2021/HĐ-TD. Thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay này là ngày 14/09/2030. Tính đến thời điểm hiện nay anh T và chị L đã trả được 17.000.000 đồng tiền nợ gốc và hiện khoản vay còn nợ lại số tiền nợ gốc là 33.000.000 đồng và chưa bao gồm tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng.

+ Ngày 14/5/2021, vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng xây bể nước, nhà vệ sinh theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287. Thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay này là ngày 14/5/2026. Tính đến thời điểm hiện nay anh T và chị L đã trả được 3.000.000 đồng tiền nợ gốc và hiện khoản vay còn nợ lại số tiền nợ gốc là 17.000.000 đồng và chưa bao gồm tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng.

+ Ngày 14/5/2021, vay số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng để mua bò sinh sản theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287. Thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay này là ngày 14/5/2026. Tính đến thời điểm hiện nay anh T và chị L đã trả được 5.000.000 đồng tiền nợ gốc và hiện khoản vay còn nợ lại số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng và chưa bao gồm tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng.

+ Ngày 09/10/2024, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích để chăn nuôi trâu theo Hợp đồng tín dụng số 7136913022/2024/HĐ-TD. Thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay này là ngày 14/10/2034. Tính đến thời điểm hiện nay anh T và chị L vẫn đang trả tiền lãi hàng tháng nhưng chưa trả được khoản tiền nợ gốc nào cho Ngân hàng.

Tổng số tiền 04 khoản vay trên là 178.000.000 đồng, hiện anh T và chị L đã trả được cho Ngân hàng 25.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại số tiền nợ gốc 153.000.000 đồng và chưa bao gồm tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng. Tại Biên bản hòa giải ngày 01/4/2025, các đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được về nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng vì vậy Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu nhất trí để mỗi người chịu trách nhiệm đối với 02 khoản nợ đã nhận theo thỏa thuận. Ngoài ra Ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Do công việc bận nên anh Nguyễn Văn Đệ đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

***** Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị L không thay đổi, bổ sung hay rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện. Chị L vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T và giải quyết về việc nuôi con chung, nợ chung theo nội dung đơn ly hôn của chị L đã trình bày. Ngoài ra chị L không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

***** Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án;

thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi Thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã thực hiện đúng, đảm bảo quyền nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đảm bảo quyền nghĩa vụ theo Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 463 và 466; 468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Phan Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Thùy D, sinh ngày 23/01/2012 và Phan Thế D, sinh ngày 23/8/2017 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lò Thị L và anh Phan Văn T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Do chị Lò Thị L và anh Phan Văn T không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463;466; 468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với 04 khoản vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn giữa chị Lò Thị L và anh Phan Văn T, cụ thể như sau:

+ Anh Phan Văn T phải có trách nhiệm đối với 02 khoản vay, trong đó: 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 17/2021/HĐ-TD, ngày 22/01/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 33.000.000 đồng và 01 khoản vay theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 17.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên anh T có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn tổng số tiền nợ gốc là

50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên cho vay.

+ Chị Lò Thị L phải có trách nhiệm đối với 02 khoản vay, trong đó: 01 khoản vay theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 3.000.000 đồng và 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 7136913022/2024/HĐ-TD, ngày 09/10/2024 với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên chị L có trách nhiệm phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn tổng số tiền nợ gốc là 103.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi chị L thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên cho vay.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, xét yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Toà án xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung khi ly hôn".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phan Văn T có đăng ký thường trú tại bản Mường Mô, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về điều luật áp dụng: Chị Lò Thị L và anh Phan Văn T kết hôn năm 2019 nên Toà án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và để giải quyết vụ án.

[1.4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều177 Bộ luật tố tụng dân sự, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Ngày 01/4/2025, chị Lò Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải lần 2 nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên toà hôm nay, vắng mặt bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phan Văn T và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đệ.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của chị Lò Thị L và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Phan Văn T tự nguyện kết hôn được UBND xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu cấp giấy chứng

nhận kết hôn vào ngày 27/6/2019. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị L đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do quan điểm sống bất đồng, những lần mâu thuẫn anh T có những hành vi đe dọa, xúc phạm đến danh dự của chị L, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và không thể hàn gắn. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là đến tháng 01 năm 2024 chị L đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ tại bản Mường Mô, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn để sinh sống do không thể tiếp tục nhẫn nhịn việc anh T có những hành vi bạo lực đối với chị và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Về phía anh Phan Văn T, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/4/2025 anh vẫn giữ nguyên quan điểm là không nhất trí ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ với chị L. Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh T là hợp pháp, mặc dù anh T vẫn còn yêu thương chị L, thương các con nên anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con cái nhưng trong quá trình chung sống, anh T nhiều lần uống rượu say, có những lời lẽ xúc phạm và có những hành vi tác động trực tiếp đối với chị L khiến chị L bị tổn thương về cả thể xác lẫn tinh thần. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn đã tiến hành mở phiên hòa giải đoàn tụ cho hai vợ chồng, tại phiên hòa giải ngày 01/4/2025 anh T mong muốn chị L cho cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, nhưng anh T không có giải pháp, biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng, không tạo cho chị L được niềm tin và độ tin tưởng, để chị L quay về chung sống với anh. Vì vậy sau khi kết thúc phiên hòa giải chị L đã có đơn xin từ chối hòa giải lần thứ hai và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn cương quyết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T để giải phóng bản thân chị khỏi cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc này.

Hội đồng xét xử nhận thấy:Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, trong cuộc sống. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và để đảm bảo quyền lợi cho chị Lò Thị L, giải phóng cho chị khỏi cuộc sống hôn nhân khi mà anh T không thể đem lại hạnh phúc cho chị do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Phan Văn T có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Phan Thùy D, sinh ngày 23/01/2012 và con thứ hai tên là Phan Thế D, sinh ngày 23/8/2017. Hiện nay cháu D và cháu D đang ở với chị L tại bản Mường Mô, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tính đến thời điểm giải quyết vụ án, cháu Phan Thùy D và Phan Thế D đã trên 7 tuổi (Phan Thùy D 13 tuổi và Phan Thế D 08 tuổi). Tại văn bản trình bày nguyện vọng của các cháu gửi cho Tòa án và tại Biên bản ghi nhận ý kiến về nguyện vọng của con chung thì cả hai cháu đều thể

hiện sự mong muốn của mình là được ở với mẹ vì mẹ sẽ có thời gian quan tâm và chăm sóc các cháu tốt hơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung là cháu Phan Thùy D, sinh ngày 23/01/2012 và cháu Phan Thế D, sinh ngày 23/8/2017 hiện đang ở với chị L được chăm sóc đầy đủ và phát triển khỏe mạnh về thể chất lẫn tinh thần. Chị L hiện đang là lao động tự do, có nơi cư trú ổn định, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng và có điều kiện về mặt thời gian để trực tiếp chăm sóc con chung. Tại biên bản lấy lời khai của chị L và anh T đều có chung nguyện vọng là để cháu Phan Thùy D và Phan Thế D cho chị L trực tiếp nuôi dạy và các cháu cũng có ý kiến thể hiện sự mong muốn của mình là được ở với mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của chị L và anh T: Giao 02 con chung là cháu Phan Thùy D, sinh ngày 23/01/2012 và cháu Phan Thế D, sinh ngày 23/8/2017 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phan Văn T có quyền đi lại, thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: 04 khoản nợ vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn với tổng số tiền nợ gốc còn lại 153.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng. Chị L và anh T đã thỏa thuận, thống nhất, cụ thể:

+ Anh Phan Văn T sẽ có trách nhiệm đối với 02 khoản vay, trong đó: 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 17/2021/HĐ-TD, ngày 22/01/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 33.000.000 đồng và 01 khoản vay theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 17.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên anh T có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn tổng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên cho vay.

+ Chị Lò Thị L sẽ có trách nhiệm đối với 02 khoản vay, trong đó: 01 khoản vay theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 3.000.000 đồng và 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 7136913022/2024/HĐ-TD, ngày 09/10/2024 với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên chị L có trách nhiệm phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn tổng số tiền nợ gốc là 103.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi chị L thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên cho vay.

Đại diện theo ủy quyền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn có ý kiến là nhất trí nội dung thỏa thuận giữa chị L và anh T. Xét thấy phía Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn không có yêu cầu độc lập đối với khoản vay của chị L và anh T do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463 và 466;468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận thỏa thuận của chị L và anh T, mỗi bên phải

có trách nhiệm thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đủ số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng khi đến hạn trả nợ.

[2.5] Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 463 và 466; 468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Thùy D, sinh ngày 23/01/2012 và Phan Thế D, sinh ngày 23/8/2017 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị L không yêu cầu anh Phan Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn giữa chị Lò Thị L và anh Phan Văn T, cụ thể như sau:

+ Đối với anh Phan Văn T: Sau khi ly hôn anh T phải có trách nhiệm trả nợ đối với 02 khoản vay, trong đó: 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 17/2021/HĐ-TD, ngày 22/01/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 33.000.000 đồng và 01 khoản vay theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 17.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên anh Tiếp có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn tổng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo

quy định cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên cho vay.

+ Đối với chị Lò Thị L: Sau khi ly hôn chị L phải có trách nhiệm đối với 02 khoản vay, trong đó: 01 khoản vay theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 150014287, ngày 14/5/2021 với số tiền nợ gốc còn nợ lại là 3.000.000 đồng và 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 7136913022/2024/HĐ-TD, ngày 09/10/2024 với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên chị L có trách nhiệm phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn tổng số tiền nợ gốc là 103.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi chị L thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với bên cho vay.

6. Về án phí: Chị Lò Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000480 ngày 13/3/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Chị Lò Thị L đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2025). Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ. /.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Đức Hiệp